

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá kết quả thực hiện năm 2017 và triển khai nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018**

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 và Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg; trong năm 2017, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: biến đổi khí hậu, giá cả một số mặt hàng chủ lực của tỉnh luôn biến động thấp, không có lợi cho người sản xuất, đặc biệt là con bão số 12 cũng gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất nông nghiệp, song dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, giám sát của HĐND tỉnh, sự chỉ đạo tập trung, quyết liệt của UBND tỉnh và những nỗ lực của các ngành, các cấp, doanh nghiệp và sự ủng hộ của nhân dân trong việc thực hiện đồng bộ các giải pháp đã đề ra, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục chuyển biến tích cực, đạt được những kết quả khá quan, tăng trưởng kinh tế ổn định, tăng hơn 7,5% so với năm 2016; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực, thu ngân sách vượt kế hoạch đề ra, đời sống của nhân dân ở những vùng đặc biệt khó khăn được quan tâm, hỗ trợ; các hoạt động văn hóa, thể thao và an sinh xã hội có nhiều tiến bộ; tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo,... thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, chính quyền các cấp, sự hưởng ứng và tham gia tích cực của người dân và đạt được kết quả cụ thể như sau:

#### **Phần thứ nhất**

### **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2017**

#### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

##### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành, các hoạt động về chương trình**

- Về tổ chức: UBND tỉnh đã ban hành 05 văn bản để thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo và bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp như: thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh giai đoạn 2016-2020; bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG của tỉnh; thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; hướng dẫn kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 các cấp<sup>1</sup>;

---

<sup>1</sup> Quyết định số 3844/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 9/6/2017 về việc bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG của tỉnh; Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 v/v thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Công văn số 3105/UBND-NN&MT ngày 28/4/2017 v/v hướng dẫn kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 các cấp; Công văn số 6985/UBND-TH ngày 01/9/2017 v/v



- Về giao kế hoạch vốn: UBND tỉnh đã ban hành 06 văn bản giao kế hoạch vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017 và 01 văn bản cho chuyển nguồn năm 2016 sang thực hiện và giải ngân năm 2017<sup>(2)</sup>;

- Về công tác chỉ đạo điều hành: UBND tỉnh đã ban hành 19 văn bản, trong đó có 11 Quyết định như: Quyết định ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Đắk Lắk chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”; Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2017-2020; Bảng chấm điểm 19 tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk; Danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh; Quy định chế độ báo cáo thuộc Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020; Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch Truyền thông, thông tin tuyên truyền thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020; Chương trình công tác của Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG và những nhiệm vụ trọng tâm năm 2017; Quyết định thành lập 03 đoàn kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017; Công văn chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;...<sup>(3)</sup>.

---

*hướng dẫn kiện toàn Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện và bố trí công chức làm công tác nông thôn mới cấp xã.*

<sup>2</sup> Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 22/2/2017 của UBND tỉnh v/v giao bổ sung nguồn vốn sự nghiệp TW thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016; Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 26/4/2017 về việc phân bổ vốn đầu tư cho các đơn vị để thực hiện các Chương trình MTQG năm 2017; Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 về việc phân bổ vốn sự nghiệp trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện các Chương trình MTQG năm 2017; Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 5/5/2017 về việc phân bổ tiền khen thưởng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 của TW đợt 1; Công văn số 4864/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016 chuyển sang năm 2017; Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 về việc phân bổ chi tiết vốn NSTW bổ sung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017; Quyết định số 2818/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 về việc phân bổ kinh phí khen thưởng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 của TW đợt 2.

<sup>3</sup> Công văn số 571/UBND-NN&MT ngày 23/1/2017 của UBND tỉnh v/v đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 8/3/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua Đắk Lắk chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 5/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới Đắk Lắk, giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 v/v ban hành Chương trình công tác của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh về thực hiện chương trình nông thôn mới năm 2017; Quyết định số 2168/QĐ-UBND ngày 26/8/2017 về ban hành Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017 - 2020; Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 về ban hành bảng chấm điểm 19 tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2017 - 2020; Quyết định số 2627/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của UBND tỉnh về việc Quy định chế độ báo cáo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020; Quyết định số 2168/QĐ-UBND ngày 26/8/2017 xây dựng Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017 - 2020; Công văn số 7659/UBND-TH ngày 27/9/2017 v/v bố trí vốn đối ứng từ Ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017 và giai đoạn 2016-2020; Công văn số 6854/UBND-NN&MT ngày 30/8/2017 v/v tập trung triển khai, thực hiện Chương trình MTQG xây dựng



- Về công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định công nhận 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017 và các Sở, ngành đang thẩm định 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo đề nghị của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh cùng với các Sở, ngành thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình nông thôn mới tại các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017 và cùng với các Sở ngành hoàn thành việc phân khai kế hoạch phân bổ vốn đầu tư và sự nghiệp của Trung ương, vốn đầu tư của tỉnh, tham mưu cho UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định giao vốn năm 2017.

- Các Sở, ngành được phân công theo dõi phụ trách tiêu chí đã có văn bản hướng dẫn thực hiện các tiêu chí nông thôn mới theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 của tỉnh<sup>(4)</sup>.

Ngoài ra, về chỉ đạo triển khai, UBND tỉnh và các Sở, ban, ngành đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai chương trình nông thôn mới theo nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh...

## **2. Về công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, khen thưởng**

### **a) Công tác tuyên truyền, vận động**

- Các cơ quan chính quyền các cấp của tỉnh tiếp tục tích cực tổ chức quán triệt về mục đích, nội dung của chương trình. Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể tiếp tục vận động các thành viên, hội viên tham gia thực hiện chương trình. Công tác tuyên truyền tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh, đã vận động các tầng lớp nhân dân ở nông thôn tham gia thực hiện Chương trình nông thôn mới gắn với nâng cao chất lượng các cuộc vận động của các hội, đoàn thể, như: Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi”, “Nông dân Đắc Lắc chung tay xây dựng nông thôn mới”, “Dân vận khéo”, “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới”, mô hình “5 không, 3 sạch”, “Phụ nữ chung tay xây dựng nông thôn mới”, “Lực lượng vũ trang tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới”, phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”. Một số điển hình: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tổ chức ký kết Chương trình phối hợp với UBND tỉnh về thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh để thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 18/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã in 6.766 cuốn/tháng phát hành đến 100% Chi bộ, Đảng bộ cơ sở; Hội Nông dân tỉnh đã ban hành 580 cuốn tài liệu tuyên truyền

---

*nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Báo cáo số 03/BC-UBND ngày 5/1/2018 về nợ xây dựng cơ bản của Chương trình nông thôn mới.*

4 - Sở Xây dựng có Công văn: số 1327/SXD-QHKT ngày 26/6/2017 V/v hướng dẫn đánh giá các tiêu chí: tiêu chí số 1 (quy hoạch), tiêu chí số 9 (nhà ở dân cư), chỉ tiêu số 17.4 (mai táng phù hợp);

- Sở Lao động Thương binh và Xã hội có Công văn số 1113/SLĐTBXH ngày 28/6/2017 v/v hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020;

- Cục Thống kê có Công văn số 335/CTK-NN ngày 07/6/2017 (hướng dẫn tiêu chí số 10);



về Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, 200 cuốn tài liệu hướng dẫn cán bộ, hội viên nông dân, hội viên nông dân; Tỉnh đoàn đăng cai tổ chức Lễ ra quân Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè toàn quốc năm 2017 với chủ đề “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức Ngày hội “Thanh niên nông thôn và tuyên dương mô hình thanh niên làm kinh tế giỏi tỉnh Đắk Lắk năm 2017”; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã ban hành các hướng dẫn chuyên đề về hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường; đã biên soạn, in ấn và phát hành 2.451 cuốn tài liệu tuyên truyền về cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không 3 sạch tham gia xây dựng nông thôn mới đến các Chi Hội phụ nữ thôn/buôn trên địa bàn tỉnh...; Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh đã sản xuất phát sóng 1.392 tin, 432 phóng sự tuyên truyền về mô hình phát triển sản xuất (PTSX), gương người tốt việc tốt trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới

- Hội Nông dân tỉnh: đã ban hành Kế hoạch số 05-KH/BTV ngày 25/4/2017 thực hiện mô hình Chi hội nông dân chung sức xây dựng nông thôn mới; đã giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho các cấp Hội để góp phần thực hiện các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Ban thường vụ Hội Nông dân tỉnh đã xây dựng hướng dẫn công tác tuyên truyền năm 2017 cho các cấp Hội Nông dân trong tỉnh bằng nhiều hình thức tuyên truyền thiết thực, phong phú như cấp phát tài liệu, tập huấn, tuyên truyền lồng ghép thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chi, tổ Hội, phát hành bản tin công tác Hội, câu lạc bộ “Gia đình nông dân văn hóa”, CLB “Nông dân với pháp luật”... mở 2 lớp kỹ năng tuyên truyền, vận động hội viên nông dân thi đua thực hiện Chương trình nông thôn mới cho 200 cán bộ của 2 huyện Krông Búk và Ea H’leo; tổ chức 2 hội nghị tuyên truyền về Chương trình nông thôn mới cho 240 cán bộ, hội viên nông dân tại 2 huyện Cư M’gar và Krông Năng.

- Lực lượng Công an đã chủ động đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động Nhân dân tham gia phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, tập trung vào những địa bàn trọng điểm phức tạp về ANTT, vùng biên giới, vùng tập trung đông đồng bào DTTS, tôn giáo; có nhiều đổi mới về nội dung, hình thức, biện pháp tuyên truyền, đảm bảo thiết thực, linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện của từng đơn vị, địa phương, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ ANTT... Đã phối hợp tổ chức tuyên truyền, phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTT được 420 buổi, với 46.683 lượt người tham dự. Phối hợp tổ chức 18 hội nghị triển khai Dự án “Xây dựng xã không có tệ nạn ma túy”. Tập huấn, tuyên truyền 168 buổi về phòng, chống ma túy cho 36.270 lượt người tham gia. Xây dựng 81 tin, bài, phóng sự phản ánh tình hình ANTT phát thường kỳ trên chuyên mục ANTT của Đài phát thanh Truyền hình tỉnh.

- Liên minh Hợp tác xã: biên tập và phát hành Bản tin “Hợp tác xã - doanh nghiệp vừa và nhỏ” đến các Hợp tác xã, các huyện, thị xã, thành phố và các xã; các Hợp tác xã, đơn vị thành viên; các Sở, ngành nhằm tuyên truyền phát triển kinh tế tập thể.

- Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục chỉ đạo các cơ quan báo chí địa phương; phòng Văn hóa và Thông tin; Đài Truyền thanh - Truyền hình các huyện, thị xã, thành phố xây dựng chuyên trang, chuyên mục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về phong trào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, trong đó chú trọng tuyên truyền những những xã có kết quả đạt được trên từng chỉ tiêu

- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã mở tiểu mục “Xây dựng nông thôn mới” với thời lượng 5-7 phút phát trong chương trình thời sự tối thứ năm hàng tuần trên sóng phát thanh, truyền hình tỉnh Đắk Lắk. Cụ thể năm 2017 ước đã sản xuất phát sóng 1.392 tin, 432 phóng sự tuyên truyền về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới...

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã làm mới 12 bảng hiệu tuyên truyền, cấp phát Báo Nông thôn ngày nay và Tạp chí Nông thôn mới cho một số đơn vị cấp tỉnh, Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện và tất cả 152 xã trên địa bàn tỉnh; tổ chức tuyên truyền, tọa đàm trên Đài Tiếng nói Việt Nam...

- Công tác phát thanh: đã sản xuất và phát sóng phát thanh các chuyên mục “Xây dựng nông thôn mới” với thời lượng 5 phút/chương trình/tuần, phát sóng 3 lần/tuần đạt từ 14-15<sup>h</sup>00/năm; “Thời sự Nông nghiệp” với thời lượng 7 phút/chương trình/tuần, phát sóng 3 lần/tuần đạt 18<sup>h</sup>00/năm; “Đời sống nông thôn” với thời lượng 15 phút/chương trình/tuần, phát sóng 3 lần/tuần đạt 39<sup>h</sup>00/năm; “Khoa học kỹ thuật với nhà nông” với thời lượng 15 phút/chương trình/tuần, phát sóng 3 lần/tuần đạt 39<sup>h</sup>00/năm; “Tài nguyên và Môi trường” với



### **b) Công tác thi đua, khen thưởng**

- Đến nay, UBND tỉnh đã tặng cờ thi đua cho 13 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017.

- UBND tỉnh đã có Quyết định khen thưởng cho 10 tập thể và 11 hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới năm 2016; Quyết định phân bổ kinh phí 17 tỷ đồng khen thưởng từ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ thưởng công trình phúc lợi cho 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới và huyện Krông Pắc có thành tích tiêu biểu trong phong trào xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015.

### **3. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình nông thôn mới**

#### **a) Công tác kiểm tra, giám sát Chương trình**

- UBND tỉnh đã thành lập 03 đoàn kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017 tại các huyện, thị xã, thành phố; qua kiểm tra đã tháo gỡ một số vướng mắc, khó khăn khi thực hiện Chương trình nông thôn mới tại các địa phương.

- Đoàn kiểm tra của Thường trực Tỉnh ủy đã tiến hành kiểm tra việc tình hình thực hiện nhiệm vụ tại các huyện, thị xã, thành phố; trong đó, có nội dung kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình nông thôn mới.

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã tiếp và làm việc với Đoàn công tác của Văn phòng điều phối nông thôn mới Trung ương về kiểm tra tình hình triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Đắk Lắk và cùng với Đoàn chuyên gia của Ngân hàng thế giới đến làm việc tại tỉnh về chương trình hỗ trợ hai Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, đoàn đã đi thực tế tại 02 huyện Krông Pắc, Krông Bông và làm việc với các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; phối hợp với Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc tại Việt Nam (FAO) tiến hành khảo sát thực tế tại 02 huyện: Buôn Đôn và Cư M'gar, đồng thời có buổi làm việc với một số Sở, ngành của tỉnh. 02 đoàn công tác (Bộ Công an, Bộ Nội vụ) của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG đã kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của tỉnh Đắk Lắk, đoàn đã đi kiểm tra thực tế tại 03 xã: Ea Mnang, Quảng Tiến, huyện Cư M'gar và Hòa Đông, huyện Krông Pắc.

---

*thời lượng 15 phút/chương trình/2 tuần, phát sóng 2 lần/2 tuần đạt 12<sup>h</sup>00/năm; "Vi ruộng đồng bền vững" với thời lượng 15 phút/chương trình/2 tuần, phát sóng 3 lần/2 tuần đạt 18<sup>h</sup>00/năm... Ngoài ra các chương trình thời sự phát thanh hàng ngày gồm tiếng Kinh, Ê Đê và M'Nông cũng có nhiều tin, bài, phóng sự tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới. Công tác truyền hình: đã sản xuất và phát sóng các chuyên mục "Xây dựng nông thôn mới" với thời lượng 5-7 phút/chương trình/tuần, phát sóng 3 lần/tuần đạt 14-15<sup>h</sup>00/năm; "Thời sự Nông nghiệp" với thời lượng 7 phút/chương trình/tuần, phát sóng 3 lần/tuần đạt 18<sup>h</sup>00/năm; "Đời sống nông thôn" với thời lượng 15 phút/chương trình/tuần, phát sóng 3 lần/tuần đạt 39<sup>h</sup>00/năm; "Khoa học kỹ thuật với nhà nông" với thời lượng 15 phút/chương trình/tuần, phát sóng 3 lần/tuần đạt 39<sup>h</sup>00/năm; "Tài nguyên và Môi trường" với thời lượng 15 phút/chương trình/2 tuần, phát sóng 3 lần/2 tuần đạt 18<sup>h</sup>00/năm; "Vi ruộng đồng bền vững" với thời lượng 15 phút/chương trình/2 tuần, phát sóng 3 lần/2 tuần đạt 18<sup>h</sup>00/năm; Chương trình truyền hình trực tiếp "Đồng hành và chia sẻ" với thời lượng 70 phút/chương trình/tháng, phát lại 2 lần với thời lượng 30 phút/chương trình/tháng đạt 26<sup>h</sup>00/năm...*



- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình nông thôn mới tại các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức đoàn đi kiểm tra tình hình xây dựng cơ bản và tiến độ giải ngân tại 15 huyện, thị xã, thành phố; Các Sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh cũng đã tổ chức đi kiểm tra, thẩm định các tiêu chí nông thôn mới tại các xã trình hồ sơ thẩm định.

- Các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình nông thôn mới tại các xã theo kế hoạch năm 2017, qua đó tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc khi triển khai Chương trình tại cơ sở.

#### **b) Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước khu vực XII**

UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị được kiểm toán thực hiện theo các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và ngày 01/6/2017, UBND tỉnh đã có Báo cáo số 120/BC-UBND về việc thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015; Kết quả các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm để triển khai thực hiện nhiệm vụ đạt kết quả tốt hơn trong thời gian tới theo các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước khu vực XII. Hai đơn vị được kiểm toán trực tiếp là huyện Buôn Đôn và thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện các kiến nghị về xử lý tài chính 1.339,613/1.629,791 triệu đồng, như sau:

- Đã giảm chi thường xuyên là 988,482/1.062,082 triệu đồng kinh phí chi sai, đang thực hiện nộp trả là 73,6 triệu đồng.

- Đã thực hiện giảm chi đầu tư xây dựng là 351,133/567,889 triệu đồng chi sai, đang thực hiện nộp trả là 216,758 triệu đồng.

#### **4. Về công tác tập huấn cho cán bộ làm công tác nông thôn mới và công tác đào tạo nghề**

##### **a) Về công tác tập huấn**

Để phục vụ hiệu quả công tác tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp giai đoạn 2016 - 2020, căn cứ khung Chương trình tập huấn và nội dung 14 chuyên đề do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017 - 2020. Nội dung tập huấn không chỉ cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ chế, chính sách, quy trình triển khai thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2016-2020 mà còn trang bị thêm cho cán bộ xây dựng nông thôn mới ở cơ sở những kỹ năng về xây dựng, lập kế hoạch; kỹ năng tuyên truyền, vận động cộng đồng và người dân..., kết quả cụ thể:

- Trong năm 2017, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh đã tổ chức tập huấn với 02 nhóm chuyên đề 10 lớp cho 590 lượt cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp tham dự và tổ chức 01 nhóm chuyên đề 02 lớp cho 150 cán bộ làm công tác đoàn các cấp.



- Các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức 55 lớp tập huấn về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cho hơn 1.750 lượt người tham dự; ngoài ra, còn tổ chức tập huấn hơn 450 lớp tập huấn và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản... cho hơn 22.500 lượt người tham dự.

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã cử cán bộ tham dự Hội nghị và tập huấn nghiệp vụ do Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương tổ chức.

- Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh đã tổ chức đoàn công tác của tỉnh đi học tập kinh nghiệm về Chương trình nông thôn mới tại một số tỉnh.

### **b) Về đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

Đã tổ chức được 77 lớp tập huấn, đào tạo nghề cho lao động nông thôn với 2.407 người tham dự, cụ thể:

- Sở Lao động Thương binh và Xã hội: với nguồn kinh phí được phân bổ là 3.500 triệu và đã giao kinh phí, nhiệm vụ cho 15 cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với tổng số 25 lớp đào tạo trình độ sơ cấp cho 875 lao động nông thôn.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: với tổng kinh phí được giao là 2.040 triệu đồng, đã tổ chức 23 lớp đào tạo nông nghiệp cho 803 lao động nông thôn.

- Các huyện, thị xã, thành phố: với tổng kinh phí từ nguồn ngân sách cấp huyện là 2.712 triệu đồng, đã tổ chức 29 lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho 729 lao động nông thôn.

## **II. KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

### **1. Công tác lập quy hoạch, đề án nông thôn mới**

- Về quy hoạch: Đến nay toàn tỉnh có 152 xã đã Quy hoạch xây dựng nông thôn mới và UBND các xã đã kịp thời công bố, công khai các nội dung đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới và Quy định quản lý theo đề án quy hoạch được duyệt cho các tổ chức, cá nhân biết và giám sát thực hiện Chương trình nông thôn mới. Tuy vậy, quy hoạch xây dựng nông thôn mới của nhiều xã cần bổ sung, điều chỉnh kịp thời trong giai đoạn mới. Hiện nay, toàn tỉnh mới có 9 xã hoàn thành việc cắm mốc quy hoạch xây dựng, các xã còn lại đang triển khai.

- Về đề án: Hiện nay Đề án xây dựng nông thôn mới ở cấp tỉnh, huyện, xã đã được phê duyệt và đang thực hiện theo kế hoạch. Tuy nhiên, để phù hợp với các nội dung của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, đề án xây dựng nông thôn mới các cấp cần phải được điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Có 152 xã đạt tiêu chí số 1, đạt 100%.

### **2. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân**

Xác định phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm, góp phần cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập bền vững cho người dân nông thôn. Năm 2017, giá trị tổng sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn (giá so sánh 2010) đạt 19.468 tỷ đồng, tăng 4,25% so với thực hiện năm 2016. Tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản trong cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành) đạt 42,51%.



Công tác chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng được đẩy mạnh; công tác bảo vệ thực vật được chú trọng đã góp phần hạn chế các loại dịch bệnh, sâu bệnh hại trên cây trồng; công tác khuyến nông và kinh tế hợp tác được tăng cường đã từng bước làm thay đổi tập quán canh tác của người nông dân. Việc áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp ngày càng được mở rộng, nhất là ở các khâu làm đất, gieo trồng, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ sản phẩm đã góp phần tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm. Nhiều mô hình nông nghiệp công nghệ cao đã được triển khai.

Ngành chăn nuôi đã từng bước áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi; bước đầu hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, chăn nuôi có kiểm soát; chuyển dần từ chăn nuôi nông hộ, gia trại sang chăn nuôi công nghiệp trang trại quy mô lớn, công nghệ cao; khuyến khích các đơn vị, doanh nghiệp nhập khẩu giống tốt, chất lượng cao phục vụ sản xuất. Công tác phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm đã được tập trung chỉ đạo quyết liệt, do đó tình hình dịch bệnh được khống chế, dịch xảy ra ở mức độ nhỏ lẻ, hạn chế thiệt hại cho ngành chăn nuôi...<sup>(6)</sup>

---

<sup>6</sup> - Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: trong năm 2017 đã thực hiện tập huấn nâng cao năng lực CBKN được 08 lớp, với 222 lượt người tham dự; tập huấn kỹ thuật cho nông dân được 43 lớp, với 1.720 lượt người tham dự; Hội thảo đánh giá hiệu quả các mô hình được 27 cuộc, với 1.264 lượt người tham dự; phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng đưa tin về hoạt động khuyến nông, mô hình sản xuất giỏi của nông dân được 57 tin; biên soạn và in được 11.000 tờ rơi với 10 nội dung cơ bản về chăn nuôi và trồng trọt, cấp phát 4.800 tờ rơi, 436 cuốn sách kỹ thuật cho các trạm Khuyến nông huyện, thị xã, thành phố. Đã xây dựng và triển khai được 74 chương trình, mô hình trình diễn (lúa lai, lúa thuần; ngô lai; tái canh cà phê, xen canh cà phê; nuôi gà, heo thịt an toàn sinh học; cải tạo đàn bò địa phương; nuôi cá rô đồng; nuôi ong mật chất lượng cao; tưới nước tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây hồ tiêu, cà phê, cây ăn quả...). Ngoài ra còn thực hiện các chương trình, dự án khác như thử nghiệm sản xuất giống, cây giống; thụ tinh nhân tạo; khu huấn luyện chăn nuôi... Mở 23 lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho 803 lao động nông thôn, xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, đào tạo nghề nông nghiệp năm 2017.

- Theo báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: đã tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho các học viên là cộng tác viên khuyến nông thôn, buôn, tổ chức các lớp tập huấn về công tác khuyến nông; tập trung hướng dẫn người dân nuôi cá trên địa bàn tỉnh (cá rô phi đơn tính nuôi thâm canh) theo khung lịch thời vụ thả cá nuôi năm 2017 nhằm ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu và hướng dẫn người dân công tác chuẩn bị ao, thả nuôi và chăm sóc cá nuôi vụ 01 năm 2017; triển khai cho các đơn vị đăng ký mở lớp dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn nói chung và lao động thuộc hộ nghèo nói riêng một số lớp gồm: Kỹ thuật chăn nuôi bò, kỹ thuật chăn nuôi heo, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cà phê, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây hồ tiêu...

- Theo Báo cáo của Hội Nông dân tỉnh: các cấp Hội Nông dân đã vận động các doanh nghiệp, hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi và hội viên nông dân được hơn 2.111 triệu đồng, 44.450 cây giống, 2.880 ngày công, 1.842 con giống, 290 tấn phân bón trị giá 589,2 triệu đồng và 2.906 giờ tưới để tương trợ giúp đỡ cho 1.616 hộ nghèo. Phối hợp với Đài phát thanh và Truyền hình địa phương tuyên truyền nhân rộng 321 mô hình và gương điển hình tiêu biểu trong sản xuất nông nghiệp; phối hợp với Trung tâm Khuyến nông, Trạm bảo vệ thực vật, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tổ chức được 295 lớp tập huấn về trồng trọt, chăn nuôi cho 15.903 lượt hội viên nông dân và 580 buổi hội thảo cho 46.890 lượt hội viên nông dân...

- Các cấp bộ Đoàn tiếp tục triển khai với nhiều hoạt động như: Phối hợp tổ chức tư vấn, hướng nghiệp cho 21.750 lượt người tham gia (Trong đó tư vấn việc làm cho 18.600 lượt người, giới thiệu việc làm cho 8.600 lượt người, số người có việc làm sau khi giới thiệu là 3.350 người); trao 09 suất vốn khởi nghiệp cho 9 đề án thanh niên phát triển kinh tế tại huyện Krông Búk, huyện Lắk và huyện Cư Mgar, huyện Krông Pắc và huyện Ea Súp, huyện M'Đrăk với tổng kinh phí 180 triệu đồng; mở 48 lớp tập huấn, ứng



### 3. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu (tiêu chí số 2 đến tiêu chí số 9)

#### 3.1. Về giao thông (tiêu chí số 2)

Tổng số km đường giao thông nông thôn tính từ đường xã, đường thôn buôn, đường ngõ xóm: 11.694 km và 3.872 km đường nội đồng, gồm: đường xã, liên xã: 3.220 km, đã nhựa hóa và bê tông xi măng 994 km, chiếm 30,87% (năm 2017: làm mới 21 km, sửa chữa 43 km); đường thôn buôn: 4.202 km, đã nhựa hóa và bê tông xi măng 1.136 km chiếm 32,74% (năm 2017: làm mới 240 km, cấp phối 102 km, sửa chữa trên 91 km, san ủi mở rộng trên 150 km); Đường ngõ, xóm: 4.272 km, đã cứng hóa 1.690 km, chiếm 48,47% (năm 2017: làm mới 381 km, sửa chữa 109 km), đường nội đồng: 3.872 km, đã cứng hóa 1.010 km, chiếm 26,1% (năm 2017: làm mới 102 km, sửa chữa 98 km ). Đến nay, toàn tỉnh có 42/152 xã đạt tiêu chí số 2, chiếm tỷ lệ 27,6%.

#### 3.2. Về thủy lợi (tiêu chí số 3)

##### a) Thủy lợi:

Theo thống kê đến nay trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 771 công trình thủy lợi (gồm 600 hồ chứa, 115 đập dâng, 56 trạm bơm); tổng chiều dài kênh mương 2.031,71 km. Trong năm 2017, đã tập trung nâng cấp sửa chữa và xây dựng mới sớm đưa vào sử dụng 07 công trình/hạng mục công trình thủy lợi với tổng mức đầu tư là 18,6 tỷ đồng, kiên cố hóa kênh mương đạt 94,5 km; diện tích được tưới tăng thêm 1.200 ha (350 ha lúa và 850 ha cà phê) để được đảm bảo nguồn nước phục vụ tưới cho sản xuất vụ Đông xuân và vụ Mùa 2017. Đang hoàn thành thêm 07 công trình/hạng mục với tổng diện tích tưới tăng thêm 415 ha (275 ha lúa và 140 ha cà phê) và đưa tỷ lệ cây trồng được tưới tăng thêm nhằm đảm bảo tưới chủ động cho 77,2% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới.

##### b) Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn:

Các ngành, các cấp chủ động xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2017 - 2020 và phương án ứng phó thiên tai năm 2017 trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện khá tốt nhiệm vụ phòng chống, ứng phó và khắc phục nên đã giảm thiểu thiệt hại. Đã xảy ra 03 đợt mưa lũ, 17 trận lốc tố, dông sét, mưa đá làm thiệt hại 9.000 ha cây trồng các loại, tốc mái 21 phòng học và 282 nhà dân; đặc biệt, cơn bão số 12 vừa qua đã gây thiệt hại cho 07 huyện, thị xã thuộc tỉnh, làm 01 người chết, 07 người bị thương; 132 căn nhà đổ sập hoàn toàn, 1.435 căn nhà dân, 05 trụ sở cơ quan, 11 trường học bị tốc mái, hư hỏng nặng, 302 hộ phải di dời khẩn cấp; 19.403 ha cây trồng bị ngập lụt, gãy đổ, trong đó thiệt hại

---

dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật cho 2.540 thanh niên nông thôn, thành lập và ra mắt 04 Hợp tác xã thanh niên.

- Các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức hơn 94 lớp tập huấn kỹ thuật sản xuất, phòng trừ sâu bệnh hại, kỹ thuật chăm sóc cây trồng..., hơn 55 lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản... cho hơn 6.900 lượt người tham gia; tổ chức hơn 32 cuộc hội thảo khoa học kỹ thuật cho hơn 1.700 lượt người tham dự, mở hơn 6 lớp đào tạo nghề, triển khai hơn 40 mô hình phát triển sản xuất; ngoài ra, các huyện, thị xã, thành phố tích cực chỉ đạo, hướng dẫn sản xuất nông nghiệp trong năm 2017.



hoàn toàn 3.833 ha; nhiều diện tích cao su bị hư hại chưa thống kê đầy đủ. Một số công trình điện, giao thông bị hư hỏng cục bộ.

Tính đến nay, có 113/152 xã đạt tiêu chí số 3, chiếm tỷ lệ 74,3%.

### **3.3. Về điện (tiêu chí số 4)**

Hiện nay, có 152/152 xã đã có lưới điện (đạt tỷ lệ 100%), có 97,2% thôn, buôn có điện, số hộ sử dụng điện 293.319/303.387 hộ, chiếm 98%, trong đó số hộ có điện thường xuyên an toàn là 275.266 hộ chiếm 96,2% số hộ sử dụng điện. Tổng số đường dây trung áp là 2.765 km, đường dây hạ áp là 3.069 km, có 1.982 trạm biến áp với dung lượng là 284.515 kVA. Đến nay, 118/152 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm tỷ lệ 77,6%.

### **3.4. Về trường học (tiêu chí số 5)**

Toàn ngành có 1.024 trường, với 459.915 học sinh từ mầm non đến trung học cơ sở. Hiện có 16.661 phòng học, trong đó có 10.197 phòng học kiên cố đạt tỷ lệ 61,2%, cơ bản đảm bảo số phòng học 2 ca/ngày, nâng dần số trường tiểu học học 02 buổi/ngày, không còn tình trạng học 3 ca. Việc đầu tư xây dựng trường, lớp học được thực hiện theo hướng kiên cố hoá, đạt chuẩn Quốc gia, các huyện đã xây dựng kế hoạch về quỹ đất cho phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020. Đến nay, toàn tỉnh có 395/1.012 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 39%, tăng 3,91% so năm 2016. Tỷ lệ thôn, buôn có trường, lớp học mẫu giáo (tính cả thôn, buôn học ghép lớp với các thôn, buôn khác) duy trì đạt tỷ lệ 100%.

Đến nay, có 75/152 xã đạt tiêu chí số 5, chiếm tỷ lệ 49,3%.

### **3.5. Về Cơ sở vật chất văn hóa (tiêu chí số 6)**

Cơ sở vật chất văn hóa được chú trọng xây dựng và nâng cấp, hiện có 37/152 xã có nhà văn hóa, 573/608 buôn (94,24%) có nhà sinh hoạt cộng đồng, 145/1.543 thôn (9,39%) có nhà văn hóa thôn, 31 thôn, buôn (1,44%) có sân chơi thể thao. Đến nay, có 41/152 xã đạt được tiêu chí số 6, chiếm tỷ lệ 27%.

### **3.6. Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (tiêu chí số 7)**

Trên địa bàn tỉnh có 106/152 xã có quy hoạch chợ được UBND tỉnh phê duyệt, trong đó có 115 chợ đã xây dựng. Đến nay, có 73/152 xã đạt tiêu chí số 7, chiếm tỷ lệ 48%.

### **3.7. Về thông tin truyền thông (tiêu chí số 8)**

Tình hình hoạt động mạng lưới Bưu chính, Viễn Thông ổn định, cơ sở hạ tầng được đầu tư phát triển và mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của nhân dân, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp, các ngành, phục vụ quốc phòng an ninh.

Dịch vụ Internet băng thông rộng đã được đầu tư phát triển đến 100% xã, phường. Hoạt động báo chí tuyên truyền trong thời gian qua được nâng cao cả về thời lượng và chất lượng, phong phú về tin, bài và các chương trình. Hoàn thành lập quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động, tiếp tục triển khai đề án số hoá truyền hình mặt đất. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ CCHC, cung cấp dịch vụ hành chính công của tỉnh, từng bước xây dựng chính quyền điện tử. Chỉ số



sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh tăng 26 bậc, từ vị trí 49/63 lên vị trí 23/63 tỉnh thành trong cả nước.

Đến nay, có 146/152 xã đạt tiêu chí số 8, chiếm tỷ lệ 96,1%.

### **3.8. Về nhà ở dân cư (tiêu chí số 9)**

Toàn tỉnh có 305.942 căn nhà ở nông thôn, trong đó: Số nhà tạm, dột nát: 34.649 căn, chiếm tỷ lệ 11%; Số nhà không đạt tiêu chuẩn NTM: 66.614 căn, chiếm tỷ lệ 22%; Số nhà đạt tiêu chuẩn NTM: 204.679 căn, chiếm tỷ lệ 67%.

Đến nay, có 82/152 xã đạt tiêu chí số 9, chiếm tỷ lệ 53,9%.

## **4. Kinh tế và tổ chức sản xuất (tiêu chí số 10 đến tiêu chí 13)**

### **4.1. Về thu nhập (tiêu chí số 10)**

Theo báo cáo của Cục Thống kê tỉnh: Thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh là 30,48 triệu đồng, trong đó: khu vực thành thị là 45,93 triệu đồng; khu vực nông thôn là 23,96 triệu đồng, tăng 6% so với năm 2016 (GDP bình quân đầu người toàn tỉnh là 38,46 triệu đồng).

Đến nay, có 79/152 xã đạt tiêu chí số 10 (có mức thu nhập bình quân đầu người từ 31 triệu đồng trở lên), chiếm tỷ lệ 52%.

### **4.2. Về hộ nghèo (tiêu chí số 11)**

Công tác giảm nghèo được quan tâm, tăng cường tổ chức các lớp tập huấn khuyến nông, xây dựng các mô hình trình diễn về sản xuất, chăn nuôi, từ đó giúp các hộ nghèo có thêm điều kiện sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập, giảm bớt khó khăn trong cuộc sống, phấn đấu thoát nghèo bền vững. Triển khai thực hiện tốt các chính sách xã hội; giải quyết cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách khác vay vốn theo quy định, đúng đối tượng, sử dụng vốn vay đúng mục đích. Năm 2017, tỷ lệ hộ nghèo giảm 2,59% so với năm 2016, đạt KH (KH: giảm 2,5-3%).

Đến nay, có 52/152 xã đạt tiêu chí số 11 (tỷ lệ hộ nghèo dưới 7%), chiếm tỷ lệ 34,2%.

### **4.3. Về lao động có việc làm (tiêu chí số 12)**

Công tác giải quyết việc làm được chú trọng, các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho người lao động được thực hiện thường xuyên. Ước cả năm giải quyết việc làm cho 27.500 lao động, trong đó việc làm tăng thêm cho 13.450 người, xuất khẩu lao động 700 người. Công tác dạy nghề được quan tâm thực hiện một cách chủ động hơn, đặc biệt là trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 54%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 17,58%. Trong năm, giáo dục nghề nghiệp dự kiến tuyển sinh 32.650 học sinh, đạt 100% KH, song tỷ lệ tuyển sinh ở một số cấp đào tạo chưa đạt chỉ tiêu do nhận thức của người dân về giáo dục nghề nghiệp chưa chuyển biến mạnh mẽ.

Các chính sách giảm nghèo đã được triển khai đồng bộ và kịp thời, phạm vi và đối tượng chính sách ngày càng được mở rộng đã giúp cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo có thêm điều kiện làm ăn, tăng thu nhập, giảm bớt khó khăn trong cuộc sống và phấn đấu thoát nghèo bền vững.



Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được tích cực thực hiện với sự hỗ trợ của đội ngũ cán bộ, cộng tác viên cấp xã; tuy nhiên, vẫn còn nhiều trường hợp trẻ em bị tai nạn thương tích và xâm hại, trẻ em bỏ học đi lao động xa gia đình. Ước tính hết năm 2017, có 5.249 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc.

Công tác tuyên truyền về Luật Bình đẳng giới, về chiến lược, chương trình Quốc gia trên các phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện tốt. Các mô hình truyền thông về Bình đẳng giới và Vì sự tiến bộ của phụ nữ được duy trì hoạt động và tiếp tục mở rộng, một số mô hình được cải tiến phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của mỗi ngành, đoàn thể và phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Đến nay, có 141/152 xã đạt tiêu chí số 12, chiếm tỷ lệ 92,8%.

#### **4.4. Về hình thức tổ chức sản xuất (tiêu chí số 13)**

Toàn tỉnh có 03 liên hiệp Hợp tác xã và 399 Hợp tác xã (HTX). Trong đó: 208 HTX nông nghiệp, 56 HTX Công nghiệp và tiểu thủ nông nghiệp, 37 HTX vận tải, 56 HTX Thương mại, 30 HTX Xây dựng và 12 Quỹ tín dụng nhân dân. Số lượng hợp tác xã (HTX) thành lập mới trong năm 2017 là 63 HTX. Các HTX trên địa bàn tỉnh tiếp tục được củng cố, phát triển theo hướng tích cực. Nhiều HTX kết nối với các doanh nghiệp để tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, có những đóng góp đáng kể vào Chương trình nông thôn mới, phát triển nông nghiệp, nông thôn. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các HTX đa dạng hơn, một số HTX tăng vốn điều lệ và mở rộng ngành nghề, hướng đến các dịch vụ phục vụ thành viên và cộng đồng như vệ sinh môi trường, kinh doanh chợ, chế biến và tiêu thụ nông sản, cung cấp cây con giống, tạo việc làm... các HTX tồn tại hình thức, HTX ngừng hoạt động trong thời gian dài đang tiếp tục được quan tâm xử lý. Với 208 HTX nông nghiệp thu hút 31.285 thành viên tham gia, giải quyết việc làm cho khoảng 7.525 lao động. Đến hết năm 2017, toàn tỉnh có khoảng 5.000 Tổ hợp tác (THT); số HTX đang hoạt động là 301 HTX, ngừng hoạt động là 98 HTX, số HTX giải thể là 32 HTX. Đa số các HTX được thành lập có quy mô nhỏ (về vốn đầu tư), thiếu tư liệu sản xuất, vốn điều lệ thấp,... nên hiệu quả trong hoạt động kinh doanh chưa cao.

Đến nay, có 96/152 xã đạt tiêu chí số 13, chiếm tỷ lệ 63,2%.

### **5. Về Văn hóa - Xã hội - Môi trường (từ tiêu chí 14 đến 17)**

#### **5.1. Về giáo dục và đào tạo (tiêu chí số 14)**

Toàn tỉnh hiện có 152/152 xã có trường mầm non, mẫu giáo độc lập. Số thôn, buôn có trẻ trên lớp: 2.149/2.151 thôn (buôn), đạt tỷ lệ 99,9%. Có 152/152 xã đạt chuẩn Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, trong đó có 130 xã đạt chuẩn Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ I; 54 xã đạt chuẩn Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ II (tăng 24 xã so cùng kỳ năm trước), có 1/15 huyện, thị xã đạt chuẩn mức độ II. Tiếp tục duy trì kết quả phổ cập giáo dục trong toàn tỉnh: hiện nay có 152/152 xã, 15/15 huyện, thị xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS.

Đến nay, có 131/152 xã đạt tiêu chí 14, chiếm tỷ lệ 86,2%.

#### **5.2. Về y tế (tiêu chí số 15)**



Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được thực hiện khá tốt, đáp ứng tốt công tác thường trực cấp cứu, điều trị bệnh nhân trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác CCHC; nâng cao trình độ chuyên môn và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý bệnh viện, góp phần cho người bệnh được tiếp cận các dịch vụ kỹ thuật cao, giảm phiền hà cho nhân dân và quá tải cho bệnh viện tuyến trên. Công tác phòng chống HIV/AIDS và chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng được tích cực triển khai làm giảm đáng kể số mắc mới.

Số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN ước hết năm 2017 là 1.531.504 người, đạt 100,1% KH, tăng 75.598 người so với năm 2016. Tỷ lệ bao phủ BHYT theo Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ ước đạt 81,6%, đạt KH đề ra.

Hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc trên địa bàn được tiến hành thường xuyên. Chất lượng thuốc, mỹ phẩm lưu hành trên thị trường và sử dụng trong các cơ sở điều trị tương đối ổn định.

Công tác tiêm chủng mở rộng được triển khai đúng theo kế hoạch. Công tác phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em được duy trì khá tốt. Kết quả, đến cuối năm 2017 ước tính tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng là 20%, đạt kế hoạch (KH: 20%), giảm 0,5% so với năm 2016.

Công tác kế hoạch hóa gia đình đã được tăng cường, nhiều phương tiện tránh thai hiện đại được cung cấp rộng rãi hơn cho người dân mang lại hiệu quả cao. Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản cũng được chú trọng thực hiện. Chủ động duy trì mức sinh thấp hợp lý, tỷ suất giảm sinh ước đạt 0,3‰ (KH: 0,4‰). Tốc độ tăng dân số tự nhiên ước đạt 1,13% (KH: 1,13%). Ước tính đến cuối năm 2017, dân số trên địa bàn toàn tỉnh là 1,896 triệu người (KH: 1,910 triệu người).

Hệ thống trạm y tế được đầu tư tương đối đồng bộ, tỷ lệ xã, phường, thị trấn có trạm y tế đạt 100%. Duy trì tỷ lệ 100% trạm y tế có bác sỹ phục vụ. Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế đạt 95,1%, đạt KH. Đã thực hiện hoàn thành 100% chỉ tiêu về số giường bệnh (3.930 giường), số bác sỹ/một vạn dân (6,8 bác sỹ/một vạn dân)....<sup>7</sup>

Đến nay, có 145/152 xã đạt tiêu chí 15, chiếm tỷ lệ 95,4%.

### 5.3. Về văn hóa (tiêu chí số 16)

Các hoạt động văn hoá, thông tin, phát thanh, truyền hình có nhiều tiến bộ về chất lượng, thời lượng, đảm bảo được tính định hướng về tư tưởng chính trị trong toàn xã hội và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của nhân dân. Công tác bảo tồn và phát

---

<sup>7</sup> Một số bệnh truyền nhiễm gây dịch trong năm cơ bản được kiểm soát. Việc phòng chống các bệnh sốt rét, bệnh phong tiếp tục được thực hiện, triển khai tốt, trên địa bàn tỉnh không có dịch sốt rét xảy ra, không có bệnh nhân phong mới. Số người mắc bệnh sốt xuất huyết giảm 4,3 lần so với năm 2016 nhưng số người mắc bệnh tay chân miệng tăng so với năm 2016. Trong năm, có 04 trường hợp tử vong do uốn ván sơ sinh; 03 trường hợp do uốn ván khác và 02 trường hợp do bệnh dại.

Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đã được quan tâm chú trọng song vẫn còn còn khá nhiều cơ sở vi phạm về điều kiện vệ sinh, công bố tiêu chuẩn sản phẩm, kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, kinh doanh thực phẩm quá hạn sử dụng,... gây hậu quả cho người tiêu dùng.



huy các giá trị văn hoá dân tộc tiếp tục được quan tâm; tổ chức thành công Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuật lần thứ 6 và Liên hoan Văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên năm 2017 cùng với nhiều hoạt động lễ hội đi kèm để phục vụ nhu cầu của khách du lịch.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, phong trào thể thao quần chúng phát triển mạnh mẽ. Tổ chức 06 giải thể thao cấp tỉnh chào mừng các sự kiện chính trị, các ngày lễ của đất nước, đăng cai tổ chức 07 giải thể thao cấp Quốc gia.

Đến nay, có 94/152 xã đạt tiêu chí số 16, chiếm tỷ lệ 61,8%.

#### **5.4. Về môi trường và an toàn thực phẩm (tiêu chí số 17)**

Tài nguyên được quản lý và khai thác sử dụng ngày càng hiệu quả. Ý thức bảo vệ môi trường trong xã hội được nâng lên, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cơ bản được khắc phục, tình trạng chặt phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác, săn bắn, mua bán, kinh doanh lâm sản trái phép có giảm so với năm trước.

Tổ chức, thực hiện hoàn thành lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Đắk Lắk. Hướng dẫn lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của cấp huyện.

Lũy kế đến nay trên địa bàn tỉnh đã cấp GCNQSD đất lần đầu là 988.209,8ha/1.042.793ha, đạt tỷ lệ 94,77%. Thực hiện tốt công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và hợp đồng thuê đất để phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Tập trung các nguồn lực cho đầu tư công trình cấp nước tại nông thôn; tổ chức tập huấn, tuyên truyền nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và nâng cao nhận thức của người dân về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh, huy động người dân sử dụng nước tại các công trình cấp nước tập trung. Ước tính đến hết năm 2017 có 88,5% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt kế hoạch đề ra, tăng 1,5% so với năm 2016.

Đến nay, có 65/152 xã đạt được tiêu chí môi trường, chiếm tỷ lệ 42,8%.

### **6. Về hệ thống chính trị và quốc phòng an ninh (từ tiêu chí số 18 đến tiêu chí 19)**

#### **6.1. Về Hệ thống tổ chức chính trị và tiếp cận pháp luật (tiêu chí số 18)**

Tiếp tục kiện toàn các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở; quy hoạch, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ xã. Xây dựng Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”; luân phiên đào tạo cán bộ chuyên trách, công chức chuyên môn cấp xã: Công an, quân sự, địa chính, xây dựng, quản lý đất đai, tư pháp và cải quản lý hành chính, tiếp công dân... Số xã đạt được tiêu chí 18 (có đủ hệ thống chính trị tổ chức đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, các tổ chức đoàn thể đạt danh hiệu tiên tiến trở lên) là 139/152 xã, chiếm tỷ lệ 91,4%.

#### **6.2. Về quốc phòng và an ninh (tiêu chí số 19)**

Các cấp, các ngành, địa phương tiếp tục quan tâm làm tốt công tác quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý, bảo vệ chủ



quyền lãnh thổ; thực hiện tốt giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn biên giới. Tuyền quân năm 2017 đạt 100% chỉ tiêu; diễn tập KVPT năm 2017 tại 04 đơn vị.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định. Đã điều tra làm rõ 972 vụ xâm phạm trật tự xã hội, đạt tỷ lệ 86% (KH: trên 85%); tỷ lệ điều tra làm rõ các vụ án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt 96,4% (KH: trên 90%). Tội phạm xâm phạm trật tự xã hội còn diễn biến phức tạp tại nhiều địa bàn, lĩnh vực; tuy giảm về số vụ (giảm 1,3%) nhưng tính chất, hành vi còn nghiêm trọng. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn ma túy tại các địa bàn trọng điểm. Tai nạn giao thông đường bộ tăng ở 02 tiêu chí về số vụ, số người chết, giảm tiêu chí về số người bị thương.<sup>8</sup>

Công tác tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ, kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy được triển khai nghiêm túc, số vụ cháy nổ trên địa bàn giảm 10 vụ so với năm 2016<sup>9</sup>.

Đến nay, có 143 xã đạt tiêu chí 19, chiếm tỷ lệ 94,1%.

### **7. Về huy động xây dựng cơ sở hạ tầng tại các địa phương**

Tiếp tục thực hiện phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, người dân ở các địa phương trong tỉnh đã huy động sức dân xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn với tổng số tiền đóng góp của người dân là trên 120 tỷ đồng, nhân dân hiến hơn 80.000 m<sup>2</sup> đất, đóng góp hơn 49.000 ngày công lao động để làm mới được 642km đường bê tông, 102km đường cấp phối, nâng cấp, sửa chữa trên 243 km đường giao thông thôn, xóm, san ủi, mở rộng 150 km đường giao thông (đường xã, liên xã: làm mới 21km, sửa chữa 43km; đường trục thôn, buôn: làm mới 240km đường bê tông, 102 đường cấp phối, nâng cấp sửa chữa trên 91 km đường thôn buôn, san ủi mở rộng 150km đường giao thông; đường trục thôn, xóm: làm mới 381km đường bê tông, sửa chữa cứng hóa 109km đường ngõ xóm; đường trục chính nội đồng: làm mới 102km bê tông, sửa chữa 98 km đường nội đồng); làm mới 5,6km kênh mương, kiên cố hóa 10,8km kênh mương, nâng cấp, sửa chữa 19,4 km kênh mương, nạo vét 157 km kênh mương, xây dựng 01 công trình hồ chứa, 03 đập; sửa chữa, nâng cấp 14 công trình thủy lợi, 01 công trình đập; triển khai làm mới 3 Nhà Văn hóa xã, xây dựng mới 21 hội trường thôn, nâng cấp sửa chữa 28 nhà văn hóa thôn; xây mới 42 phòng học, sửa chữa 103 phòng học; xây dựng mới 265 căn nhà, sửa chữa, nâng cấp 393 căn nhà; xây dựng 173 công trình phụ; cải tạo, làm mới 121 hàng rào... Tỉnh đoàn, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ cũng tích cực tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn<sup>10</sup>

<sup>8</sup> Phát hiện, điều tra xử lý 148 vụ - 164 đối tượng phạm tội về ma túy (nhiều hơn 26 vụ so với năm 2016). Tai nạn giao thông đường bộ xảy ra 446 vụ, làm chết 242 người, bị thương 395 người (tăng 17 vụ = 3,9%, tăng 25 người chết = 11,5% và giảm 03 người bị thương = 0,8%)

<sup>9</sup> Tuyên truyền 66 lượt với 3.637 lượt người tham gia; huấn luyện PCCC 71 lớp với 5.462 người tham dự; kiểm tra cháy nổ 3.871 lượt/310 cơ sở. Xảy ra 28 vụ cháy, 01 vụ nổ (giảm 10 vụ so với năm 2016) làm 02 người bị thương, thiệt hại về tài sản 5,17 tỷ đồng.

<sup>10</sup> Tỉnh đoàn đã thực hiện được 145 công trình, 1.500 phần việc thanh niên, tiêu biểu xây mới 47 căn Nhà tình nghĩa cho hộ gia đình nghèo có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở, hộ gia đình chính sách, cựu thanh niên xung phong với tổng kinh phí thực hiện 2.350 triệu đồng; bê tông hóa 12km đường giao thông nông thôn với tổng kinh phí thực hiện 16 tỷ đồng; trồng mới 5,5 hecta rừng tạo cảnh quan môi trường tại đèo Hà Lan xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ; xây dựng 45 sân bóng chuyền, sân chơi cho thanh thiếu nhi với



## 8. Thực hiện kế hoạch vốn Chương trình xây dựng nông thôn mới

8.1. Tổng các nguồn vốn kế hoạch năm 2017 trực tiếp cho chương trình nông thôn mới là 203,87 tỷ đồng, trong đó:

a) Vốn sự nghiệp Trung ương: 43 tỷ đồng<sup>11</sup>

b) Vốn đầu tư phát triển: 160,87 tỷ đồng, trong đó: Nguồn vốn của Trung ương: 110,87 tỷ đồng; Nguồn vốn của tỉnh: 50 tỷ đồng<sup>12</sup>.

### c) Kết quả thực hiện nguồn vốn

Theo báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư: ước khối lượng thực hiện là 152,9/203,87 tỷ đồng, đạt 75% kế hoạch; kết quả giải ngân là 90,47/203,87 tỷ đồng, đạt 44,37% kế hoạch (trong đó: vốn ĐTPT là 61,77/160,87 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 28,7/43 tỷ đồng).

## 8.2. Tổng hợp nguồn lực

tổng kinh phí 350 triệu đồng; xây dựng 04 hệ thống nước sạch với kinh phí đầu tư 500 triệu đồng; xây dựng 04 điểm trường mẫu giáo<sup>10</sup> tại xã nghèo trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí xây dựng 1.290 triệu đồng; xây dựng 05 cầu giao thông nông thôn với kinh phí trên 2,4 tỷ đồng.

- Hội LHPN xây dựng mới 212 mô hình "con đường phụ nữ tự quản", 108 "con đường hoa" và xây dựng 308 công trình vệ sinh cho phụ nữ nghèo, trị giá gần 1,8 tỷ đồng; vận động cán bộ, hội viên phụ nữ tham gia đóng góp trên 14 tỷ 643 triệu đồng, 6091 ngày công lao động, hiến 31.132 m<sup>2</sup> đất để xây dựng đường giao thông nông thôn, thấp sáng điện đường thôn buôn, xây dựng các công trình phục vụ cho sinh hoạt cộng đồng của thôn, buôn...

- Hội Nông dân đã vận động nông dân làm mới, nâng cấp, tu sửa được 278,9 km đường giao thông nông thôn, 29,9 km kênh mương, xây dựng 2 Hội trường thôn với sự đóng góp của nông dân và doanh nghiệp là 4 tỷ đồng, 22.568 ngày công, hiến 72.500 m<sup>2</sup> đất. Xây dựng được 71 mô hình nông dân "đẹp nhà, sạch vườn, sạch ruộng nương" nâng số mô hình lên 371 mô hình.

<sup>11</sup> Hỗ trợ tập huấn nâng cao năng lực cán bộ triển khai Chương trình các cấp; tuyên truyền và vận động xây dựng nông thôn mới: 3,69 tỷ đồng; Kinh phí chi đạo Chương trình (tỉnh, huyện, xã): 1,92 tỷ đồng; Đào tạo nghề cho lao động nông thôn: 7,9 tỷ đồng; Hỗ trợ phổ cập mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học: 7,65 tỷ đồng; Tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho người dân: 1,9 tỷ đồng; Hỗ trợ PTSX liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, cải thiện môi trường nông thôn...: 10,74 tỷ đồng; Công tác duy tu, bảo dưỡng và vận hành các công trình đầu tư sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng trên địa bàn xã (01 xã/huyện, 13 huyện): 5,3 tỷ đồng; Nguồn vốn sự nghiệp bổ sung năm 2016 của Trung ương: 2,6 tỷ đồng (Hỗ trợ PTSX, xây dựng mô hình cho các xã đặc biệt khó khăn, xã bị thiên tai, lũ lụt); Nguồn vốn sự nghiệp bổ sung năm 2017 của Trung ương: 1,3 tỷ đồng (Hỗ trợ PTSX, công tác tuyên truyền, điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới cấp xã, hỗ trợ mô hình phát triển HTX).

<sup>12</sup> Bố trí cho các dự án thanh toán nợ và chuyển tiếp: 18,7 tỷ đồng; Bố trí cho 22 xã đạt chuẩn trong năm 2016 và đăng ký đạt chuẩn năm 2017 để đảm bảo đến hết năm 2017 có 20% số xã (30 xã) đạt chuẩn: 54,769 tỷ đồng; Bố trí cho 109 xã gồm: 65 xã chưa được bố trí vốn trong giai đoạn 2011-2016 và 44/44 xã ĐBKK được thụ hưởng Chương trình 135 năm 2016 (riêng xã Đắk Nuê, huyện Lắk được giao bố trí chuyển tiếp): 65,531 tỷ đồng; Bổ sung thêm cho 02 xã Cư San, huyện M'Đrăk và xã Ia Lốp, huyện Ea Súp từ nguồn vốn bổ sung 4,87 tỷ đồng (xã dưới 5 tiêu chí); Về kinh phí khen thưởng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 cho 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 và huyện Krông Pắc từ nguồn vốn TPCP là 17 tỷ đồng.



Theo số liệu tổng hợp báo cáo của các sở ngành và các huyện, thị xã, thành phố, tổng huy động nguồn lực thực hiện Chương trình năm 2017 là 3.910,87 tỷ đồng; trong đó:

- Vốn trực tiếp cho Chương trình nông thôn mới là 203,87 tỷ đồng (chiếm 5,21%), bao gồm ngân sách Trung ương và tỉnh;
- Vốn lồng ghép từ chương trình, dự án khác: 1.000 tỷ đồng (chiếm 25,57%);
- Vốn huy động từ doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế: 320 tỷ đồng (chiếm 8,18%);
- Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư: 378 tỷ đồng (chiếm 9,66%);
- Vốn tín dụng: 2.000 tỷ đồng (chiếm 51,13%).

**Ngoài ra, trong giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh còn có các chương trình, dự án lồng ghép, cụ thể:**

- Dự án: Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam tỉnh Đắk Lắk (VnSAT) thực hiện trên địa bàn 7 huyện, thị xã: Cư Kuin, Cư M'gar, Krông Búk, Krông Năng, Krông Pắc, Ea H'leo, Buôn Hồ, với tổng kinh phí khoảng 276,958 tỷ đồng (12,589 triệu USD). Kế hoạch thực hiện năm 2016 là: 15,076 tỷ đồng; trong đó: vốn WB: 11,98 tỷ đồng; vốn đối ứng: 1,65 tỷ đồng; vốn tư nhân: 1,446 tỷ đồng. Các hoạt động VnSAT tại Đắk Lắk chủ yếu tăng cường năng lực nông dân về các biện pháp canh tác và quản lý bền vững cà phê; tập huấn về tái canh cà phê; chuyển giao công nghệ tưới tiết kiệm; xây dựng và nâng đường nội đồng, trạm bơm, kênh dẫn, nước; thành lập các nhóm nông dân, HTX sản xuất cà phê bền vững... Dự kiến, đến năm 2020, toàn tỉnh sẽ có khoảng 9.000 hộ trồng cà phê thuộc vùng dự án được hỗ trợ tái canh.

- Dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên", vốn vay ADB (Dự án PRI CHP) tỉnh Đắk Lắk có 5 tiểu dự án thuộc 04 huyện (Huyện Ea Súp, Huyện Krông Năng, Huyện Lắk, Huyện M'Đrăk) và TP. Buôn Ma Thuột, có nhiệm vụ tưới cho 4.827 ha lúa và 2.475 ha cà phê, với tổng vốn đầu tư khoảng 350 tỷ đồng, thời gian thực hiện 5 năm (từ 2014 đến 2018). Theo kế hoạch, giai đoạn 1 tỉnh Đắk Lắk có 3 tiểu dự án, được phân bổ 13 triệu USD tương ứng khoảng 270 tỷ đồng, có 9 xã được hưởng lợi, trong đó, có 5 xã nghèo, khó khăn là Ya Tờ Mốt, Ia Loi, Cư Kbang, Ia RVê, Ia Lốp huyện Ea Súp.

- Dự án giảm nghèo khu vực Tây nguyên, ở Đắk Lắk thực hiện trên 5 huyện M'đrăk, Krông Bông, Buôn Đôn, Ea Súp, Lắk. Vốn triển khai năm 2017 là 246,135 tỷ đồng, trong đó: Vốn ODA là 238,3 tỷ đồng; Vốn đối ứng là 7,8 tỷ đồng.

- Các chương khác, như: Chương trình 135 là 80,636 tỷ đồng (vốn đầu tư là 59,22 tỷ đồng; vốn sự nghiệp là 21,416 tỷ đồng), Dự án sắp xếp bố trí dân cư,...

Theo báo cáo của Ngân hàng nhà nước tỉnh: Dư nợ cho vay nông thôn mới đạt 24.400 tỷ đồng, chiếm 67,1% tổng dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh. Trong đó, cho vay hộ sản xuất kinh doanh đạt 13.560 tỷ đồng, cho vay làm đường giao thông đạt 9 tỷ đồng, cho vay xây dựng nhà ở đạt 2.124 tỷ đồng, cho vay hộ nghèo đạt 1.100 tỷ đồng, cho vay nước sạch và vệ sinh môi



trường nông thôn đạt 500 tỷ đồng, cho vay xây chợ nông thôn đạt 57 tỷ đồng và cho vay khác đạt 7.050 tỷ đồng.

## **9. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản**

Theo hướng dẫn tiêu chí xác định nợ XDCB trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 8932/BKHĐT-KTNN, ngày 01/11/2017 thì tổng số nợ đọng XDCB của Chương trình đã có khối lượng nghiệm thu đến nay là: **40.790** triệu đồng, thuộc địa bàn 12/15 huyện, thị xã, thành phố; trong đó: nợ đọng đến đã có khối lượng nghiệm thu 31/12/2014 là: **3.278** triệu đồng, nợ đọng đã có khối lượng nghiệm thu phát sinh sau 31/12/2014 là: **37.511** triệu đồng, cụ thể:

### **9.1. Về nợ XDCB của các dự án có khối lượng được nghiệm thu đến 31/12/2014: (Phụ lục 01 đính kèm)**

Nợ XDCB của các công trình được nghiệm thu khối lượng đến ngày 31/12/2014 là: **3.278** triệu đồng của 27 dự án trên địa bàn 05 xã thuộc 04/15 huyện, thị xã, thành phố.

### **9.2. Về nợ đọng XDCB của các dự án có khối lượng nghiệm thu phát sinh sau ngày 31/12/2014: (Phụ lục 01 đính kèm)**

Nợ đọng XDCB trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới phát sinh sau ngày 31/12/2014 là: **37.511** triệu đồng của 70 dự án, trên địa bàn 24 xã thuộc 12/15 huyện, thị xã, thành phố.

*(Các huyện còn lại: Krông Búk, Krông Pắc và thị xã Buôn Hồ không có nợ XDCB trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới).*

## **10. Kết quả thực hiện theo bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới**

Đến nay, lũy kế toàn tỉnh có 30 xã cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó: 23 xã đã có Quyết định công nhận.<sup>13</sup> Một số tiêu chí đạt cao như tiêu chí số 1 về Quy hoạch, tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông, tiêu chí số 15 về Y tế; ngoài ra, một số tiêu chí đạt thấp như tiêu chí số 2 về giao thông (42 xã), tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa (41 xã), tiêu chí số 11 về Hộ nghèo (52 xã), tiêu chí 17 về Môi trường và ATTP (65 xã)...; không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí.

Toàn tỉnh đạt 1.927 tiêu chí/2.888 tiêu chí, bằng 66,7%, tăng 122 tiêu chí so với cuối năm 2016; bình quân toàn tỉnh đạt 12,68 tiêu chí/xã, tăng 0,8 tiêu chí so với cuối năm 2016. Lũy kế toàn tỉnh có 30 xã cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới, đạt kế hoạch đề ra.

*(Trong năm 2017, toàn tỉnh tăng 187 tiêu chí và giảm 65 tiêu chí so với cuối năm 2016; chủ yếu giảm tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất do đánh giá theo chỉ*

---

<sup>13</sup> 06 xã đạt 17-18 tiêu chí; 17 xã đạt 15-16 tiêu chí; 23 xã đạt 13-14 tiêu chí; 34 xã đạt 10-12 tiêu chí, 43 xã đạt 5-9 tiêu chí. Tính theo từng tiêu chí, có 152 xã đạt tiêu chí số 1, 42 xã đạt tiêu chí 2, 113 xã đạt tiêu chí 3, 118 xã đạt tiêu chí 4, 75 xã đạt tiêu chí 5, 41 xã đạt tiêu chí 6, 73 xã đạt tiêu chí 7, 146 xã đạt tiêu chí 8, 82 xã đạt tiêu chí 9, 79 xã đạt tiêu chí 10, 52 xã đạt tiêu chí 11, 141 xã đạt tiêu chí 12, 96 xã đạt tiêu chí 13, 131 xã đạt tiêu chí 14, 145 xã đạt tiêu chí 15, 94 xã đạt tiêu chí 16, 65 xã đạt tiêu chí 17, 139 xã đạt tiêu chí 18, 143 xã đạt tiêu chí 19.



tiêu HTX có sản xuất chuỗi liên kết; tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh do một số xã dễ xảy ra trọng án; Tuy nhiên, vẫn có một số tiêu chí tăng như: Tiêu chí số 3 về Thủy lợi do đánh giá theo chỉ tiêu tỷ lệ trên 80% diện tích đất nông nghiệp được tưới, tiêu nước chủ động; tiêu chí số 7 CSHT thương mại nông thôn do đánh giá theo chỉ tiêu xã có chợ hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa; tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm).

(Số liệu cụ thể theo biểu số 1-3 đính kèm)

**11. Kết quả triển khai các nhiệm vụ được phân công trong Chương trình công tác năm 2017 của Ban Chỉ đạo tỉnh (theo Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh, Phụ lục 02 đính kèm).**

## **12. Đánh giá chung về tình hình triển khai thực hiện**

Nhìn chung, trong năm 2017, với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh, sự cố gắng nỗ lực của các ngành, các địa phương và toàn thể nhân dân nên tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh có bước phát triển, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu về cơ bản có mức tăng trưởng khá. Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, nhiều mặt công tác có những chuyển biến tích cực, chất lượng công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân ngày càng được cải thiện, nâng cao; công tác xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội được quan tâm và thực hiện tốt; quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự an toàn được giữ vững... Đời sống nhân dân cơ bản ổn định, nhận thức của cán bộ, Đảng viên và người dân về Chương trình nông thôn mới ngày được nâng lên; đại bộ phận nhân dân tin tưởng, đồng tình, ủng hộ, tích cực thi đua, lao động sản xuất, tiếp tục hưởng ứng tích cực phong trào “Đắc Lắc chung tay xây dựng nông thôn mới”. UBND tỉnh đã ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới của tỉnh giai đoạn 2017-2020; ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh giai đoạn 2016-2020. Toàn tỉnh đạt 1.927 tiêu chí, bằng 66,7%; bình quân toàn tỉnh đạt 12,68 tiêu chí/xã, lũy kế có 30 xã cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới, đạt kế hoạch đề ra.

Phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới ngày càng phát triển rộng khắp, các cấp các ngành quan tâm, được nhân dân đồng tình hưởng ứng, tổng số tiền đóng góp của người dân là trên 120 tỷ đồng, nhân dân hiến hơn 80.000 m<sup>2</sup> đất, đóng góp hơn 49.000 ngày công lao động, xây dựng được hơn 642km đường bê tông, 102km đường cấp phối, nâng cấp, sửa chữa trên 243 km đường giao thông thôn, xóm, san ủi, mở rộng 150 km đường giao thông... tổng huy động nguồn lực thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2017 là 3.911 tỷ đồng.

Các mô hình phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết giá trị gắn Chương trình xây dựng nông thôn mới với tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và PTNT ngày càng được quan tâm và bước đầu đạt hiệu quả khá.

Bên cạnh những kết quả đã triển khai, còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Khoảng cách chênh lệch về kết quả xây dựng nông thôn mới giữa các huyện còn khá lớn, cụ thể: 5 huyện khó khăn chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới như: Ea Súp, Buôn Đôn, Lăk, Krông Bông, M'đrăk; các huyện có số xã đạt chuẩn nông thôn mới cao là tp Buôn Ma Thuột, Krông Pắc, Cư M'gar.



- Biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt gây nhiều thiệt hại và ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống sinh hoạt của người dân; một số mặt hàng nông sản, chăn nuôi chủ đạo của tỉnh giá cả không ổn định, bị xuống thấp đã ảnh hưởng trực tiếp đến thực hiện các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội, thu nhập, hộ nghèo, môi trường...

- Tổ chức sản xuất nông nghiệp mặc dù đã chuyển biến tích cực nhưng nhìn chung vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ, chưa hình thành được nhiều mô hình tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị phát triển bền vững nên thu nhập của người dân còn bấp bênh, phụ thuộc nhiều vào giá cả thị trường; việc đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất theo mô hình HTX kiểu mới còn chậm; liên kết sản xuất, tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác với hộ nông dân còn hạn chế.

- Năng lực của một bộ phận cán bộ cơ sở, nhất là ở xã nghèo, xã khó khăn còn hạn chế.

- Vấn đề ô nhiễm môi trường ngày càng có dấu hiệu nghiêm trọng, chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, nông sản chưa được quan tâm xử lý triệt để.

- Việc thực hiện các thủ tục thực hiện dự án đầu tư theo Luật đầu tư công ở nhiều địa phương còn lúng túng, nhất là lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư danh mục dự án trong kế hoạch năm 2017 còn chậm.

## **Phần thứ hai**

# **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2018**

## **I. MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU NĂM 2018**

Phấn đấu năm 2018 có ít nhất 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng số xã lũy kế đạt chuẩn lên 40 xã và thành phố Buôn Ma Thuột hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới; bình quân toàn tỉnh đạt 13,2 tiêu chí/xã; tăng cường cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống ở nông thôn; đời sống nhân dân từng bước được nâng cao. Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí cho các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

## **II. MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2018**

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về nông thôn mới, triển khai sâu rộng và thiết thực Phong trào thi đua *"Đắc Lắc chung sức xây dựng nông thôn mới"* nhằm biểu dương, tôn vinh các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới, tạo sự lan tỏa lớn trong nhân dân, cộng đồng, xã hội; khuyến khích, thu hút doanh nghiệp, doanh nhân, nhất là thanh niên trí thức khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp ở nông thôn; tăng cường phối hợp với Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh và các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể để tuyên truyền về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, cũng như đa dạng hóa các hình thức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm phản ánh kịp thời những kết quả thực tiễn xây dựng nông thôn mới của tỉnh.



2. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện tất cả các cơ chế, chính sách để thực hiện Chương trình để chủ động ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình đồng bộ và phù hợp với điều kiện triển khai thực tế của địa phương.

3. Ưu tiên thúc đẩy hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, nhất là sản xuất nông nghiệp sạch - an toàn và theo hướng hữu cơ ở những nơi có điều kiện, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động và kinh tế nông thôn để tăng thu nhập người dân nông thôn một cách bền vững, trong đó:

- Xây dựng Đề án Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030 của tỉnh, nhằm tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, mang tính đặc trưng, lợi thế của mỗi địa phương.

- Triển khai xây dựng các đề tài cấp quốc gia và tỉnh về Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã theo Luật năm 2012.

- Đổi mới phương thức thực hiện và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng gắn đào tạo nghề với triển khai các mô hình, dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cụ thể, theo nhu cầu hoặc dự án đầu tư ở nông thôn của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế...

4. Chú trọng bảo vệ môi trường và tạo cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, hiện đại, hợp lý và giữ gìn được những đặc trưng và bản sắc nông thôn truyền thống xanh - sạch - đẹp.

5. Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá và giữ gìn an ninh trật tự: Gắn xây dựng nông thôn mới với Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; Khuyến khích và thường xuyên tổ chức các hoạt động xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội thu hút số lượng lớn người dân tham gia; Tổ chức các hoạt động phát triển cộng đồng ở các thôn, buôn nhằm phát huy và bảo tồn những giá trị truyền thống tốt đẹp; Xây dựng và thực hiện hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

6. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các tiêu chí nông thôn mới, từng địa phương phải xác định rõ các tiêu chí trọng tâm để tập trung chỉ đạo, nhất là các tiêu chí về đời sống người dân, môi trường, văn hoá và an ninh trật tự. Đối với các xã đạt chuẩn cần tiếp tục phấn đấu xây dựng nông thôn mới để nâng cao chất lượng các tiêu chí và xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu. Đối với các xã đang phấn đấu đạt chuẩn, phải đảm bảo chất lượng, thực chất, không chạy theo thành tích. Đối với các xã khó khăn, cần tập trung nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu, ưu tiên tập trung đầu tư ở cấp thôn, buôn.

7. Tiếp tục đa dạng hoá các nguồn vốn để thực hiện Chương trình theo hướng xã hội hoá; huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn; tăng cường các hình thức hợp tác công tư và xã hội hoá để thu hút đầu tư vào bảo vệ và xử lý môi trường, giao thông, hạ tầng thương mại, cung cấp nước sạch, dịch vụ văn hoá - thể thao; công khai các khoản đóng góp của dân theo nguyên tắc tự nguyện.



8. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới; tiếp tục phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức Chính trị - xã hội tiếp tục củng cố, phát huy khối đại đoàn kết dân tộc; vận động các tầng lớp nhân dân ở nông thôn tham gia thực hiện Chương trình nông thôn mới gắn với nâng cao chất lượng các cuộc vận động của các hội, đoàn thể như: Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi", "Nông dân Đắc Lắc chung tay xây dựng nông thôn mới", "Dân vận khéo", "Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới", mô hình "5 không, 3 sạch", "Phụ nữ chung tay xây dựng nông thôn mới", "Lực lượng vũ trang tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới", phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc"...

9. Kế hoạch phân bổ vốn trực tiếp cho Chương trình nông thôn mới năm 2018: 416,3 tỷ đồng, trong đó:

a) Tổng số vốn ĐTPT kế hoạch năm 2018: 311,7 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 111,7 tỷ đồng; Ngân sách tỉnh: 200 tỷ đồng.

b) Tổng số vốn sự nghiệp năm 2018: 104,6 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 46 tỷ đồng; Ngân sách tỉnh: 58,6 tỷ đồng.

10. Trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện như trên, các Sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện.

### **III. Đề xuất, kiến nghị**

#### **1. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ**

Chỉ đạo các Bộ, ngành và các cơ quan liên quan rà soát Luật Đầu tư công để đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định trong quản lý đầu tư theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp cho địa phương. Ngoài ra, để xử lý những vướng mắc khi thực hiện Luật Đầu tư công, chỉ nên quy định điều kiện chương trình, dự án được bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn là nằm trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành của địa phương.

#### **2. Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương**

- Tiếp tục hoàn thiện khung chính sách quản lý, điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia làm căn cứ triển khai hiệu quả kế hoạch thực hiện các chương trình.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét quy định thời gian xét thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới là trong tháng 01 của năm sau vì một số tiêu chí liên quan, như: tiêu chí số 11 Hộ nghèo, tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật, tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh đến cuối năm mới có kết quả đánh giá công nhận nên không thể thẩm định trước tháng 12.

- Theo Quyết định số 1178/QĐ-BKH ngày 29/8/2017 của Bộ Kế hoạch đầu tư về việc giao chi tiết vốn đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 thì Chương trình nông thôn mới tỉnh Đắc Lắc được phân bổ 800,2 tỷ



## **Phụ lục 01**

### **Báo cáo tình hình nợ xây dựng cơ bản của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

(Kèm theo Báo cáo số: 03/BC-BCĐ ngày 13/02/2018 của Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh)

Tổng số nợ đọng XDCB của Chương trình đã có khối lượng nghiệm thu đến nay là: **40.790** triệu đồng, thuộc địa bàn 12/15 huyện, thị xã, thành phố; trong đó: nợ đọng đến đã có khối lượng nghiệm thu 31/12/2014 là: **3.278** triệu đồng, nợ đọng đã có khối lượng nghiệm thu phát sinh sau 31/12/2014 là: **37.511** triệu đồng.

#### **1. Về nợ XDCB của các dự án có khối lượng được nghiệm thu đến 31/12/2014:**

Nợ XDCB của các công trình được nghiệm thu khối lượng đến ngày 31/12/2014 là: **3.278** triệu đồng của 27 dự án trên địa bàn 05 xã thuộc 04/15 huyện, thị xã, thành phố, cụ thể:

- Huyện Buôn Đôn, nợ đọng : 2.555 triệu đồng, chiếm 77,95%;
- Huyện Ea Kar, nợ đọng : 382 triệu đồng, chiếm 11,65%;
- Huyện Ea Súp, nợ đọng : 198 triệu đồng, chiếm 6,04%;
- Huyện Krông Ana, nợ đọng : 143 triệu đồng, chiếm 4,36%.

#### **2. Về nợ đọng XDCB của các dự án có khối lượng nghiệm thu phát sinh sau ngày 31/12/2014:**

Nợ đọng XDCB trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới phát sinh sau ngày 31/12/2014 là: **37.511** triệu đồng của 70 dự án, trên địa bàn 24 xã thuộc 12/15 huyện, thị xã, thành phố, cụ thể:

- Huyện Buôn Đôn, nợ đọng : 7.954 triệu đồng, chiếm 20,96%;
- TP. Buôn Ma Thuột, nợ đọng : 6.531 triệu đồng, chiếm 17,21%;
- Huyện Krông Ana, nợ đọng : 5.649 triệu đồng, chiếm 14,89%;
- Huyện Ea H'leo, nợ đọng : 5.205 triệu đồng, chiếm 13,72%;
- Huyện Krông Năng, nợ đọng : 3.166 triệu đồng, chiếm 8,34%;
- Huyện Ea Kar, nợ đọng : 2.719 triệu đồng, chiếm 7,17%;
- Huyện Cư Kuin, nợ đọng : 2.433 triệu đồng, chiếm 6,41%;
- Huyện Krông Bông, nợ đọng : 1.748 triệu đồng, chiếm 4,61%;
- Huyện M'Đrăk, nợ đọng : 696 triệu đồng, chiếm 2,97%;
- Huyện Cư M'gar, nợ đọng : 888 triệu đồng, chiếm 2,34%;
- Huyện Lắk, nợ đọng : 429 triệu đồng, chiếm 1,13%;
- Huyện Ea Súp, nợ đọng : 93 triệu đồng, chiếm 0,25%.

(Các huyện còn lại: Krông Búk, Krông Pắc và thị xã Buôn Hồ không có nợ XDCB trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới).







Biểu 1: THÔNG KÊ CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI CỦA 152 XÃ TỈNH ĐẮK LẮK  
(Tính đến tháng 12 năm 2017)

(Kèm theo Báo cáo số: 07/BC-BCĐ ngày 13/02/2018 của BCD các CTMTQG tỉnh)

TT	Đơn vị	Các tiêu chí đã đạt và cơ bản đạt (cấp huyện đánh giá)															Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Buôn Ma Thuột																I: Quy hoạch,
1	Xã Hòa Thuận	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	2: Giao
2	Xã Ea Tù	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	thông, 3:
3	Xã Ea Kào	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	Thủy lợi, 4:
4	Xã Hòa Xuân	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	Điện, 5:
5	Xã Hòa Thắng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	Trường học,
6	Xã Hòa Phú	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	6: Cơ sở vật
7	Xã Cư Bơ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	chất Văn hóa,
8	Xã Hòa Khánh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	7: Cơ sở hạ
II	Buôn Hồ																tầng thương
9	Xã Ea Blang	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	mại nông
10	Xã Ea Drong	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	thôn, 8:
11	Xã Ea Siên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	Thông tin và
12	Xã Bình Thuận	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	truyền thông,
13	Xã Cư Bao	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	9: Nhà ở dân
III	Cư M'gar																cư, 10: Thu
14	Xã Quảng Tiến	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	nhập, 11: Hộ
15	Xã Ea Kueh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	nghèo, 12:
16	Xã Ea Kiệt	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	LĐ có việc
17	Xã Ea Tar	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	làm, 13: Tô
18	Xã Cư Diê M'ng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	chức sán
19	Xã Ea H'nh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	xuất, 14:
20	Xã Ea Tul	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	Giáo dục và
21	Xã Ea Kpam	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	đào tạo, 15: Y
22	Xã Ea M'Drôh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	hóa, 17: Môi
23	Xã Quảng Hiệp	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	trường và
24	Xã Cư M'gar	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	ATTP, 18:
25	Xã Ea D'rong	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	Hệ thống CT
26	Xã Ea M'hang	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	và tiếp cận
27	Xã Cư Suê	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	pháp luật, 19:
28	Xã Cuôr D'ang	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	Quốc phòng
IV	M'Drak																và An ninh.
29	Xã Ea Trang	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
30	Xã Cư P'rao	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
31	Xã Ea Pli	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
32	Xã Ea Lai	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
33	Xã Ea M'ay	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
34	Xã Kuông Jing	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
35	Xã Ea M'doan	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
36	Xã Ea Riêng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
37	Xã Cư M'ra	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
38	Xã Cư Kroa	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
39	Xã Kuông A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	



TT	Đơn vị	Các tiêu chí đã đạt và cơ bản đạt (cấp huyện đánh giá)																			Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
40	Xã Cư San	1	1	3									12					18	19	5	đạt và cơ bản đạt
V	Xã Kar																				đạt
41	Xã Ea Ô	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	đạt
42	Xã Ea Sô	1	3	3	4	5			8			10	12	13	14	15	16	17	18	19	đạt
43	Xã Ea Sar	1	3	3	4	5			8			10	12	13	14	15	16	17	18	19	đạt
44	Xã Xuân Phú	1	3	3	4	5	6	7	8			10	12	13	14	15	16	17	18	19	đạt
45	Xã Cư Huệ	1	3	3	4	5			8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	13	đạt
46	Xã Ea Tyh	1	3	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	đạt
47	Xã Ea Dar	1	3	3	4	5	6		8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	13	đạt
48	Xã Ea Kmit	1	3	3	4	5	6		8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	đạt
49	Xã Cư Ni	1	3	3	4	5	6		8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	đạt
50	Xã Ea Pal	1	3	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	16	đạt
51	Xã Cư Prông	1	3	3	4	5			8	9		12	13	14	15	16	17	18	19	13	đạt
52	Xã Cư Eiang	1	3	3	4				8			12	13	14	15	16	17	18	19	10	đạt
53	Xã Cư Bông	1	3						8	9		12	13	14	15	16	17	18	19	10	đạt
54	Xã Cư Yang	1	3	5					8			12	13	14	15	16	17	18	19	11	đạt
VI	Xã H'Leo																				
55	Xã H'leo	1			4		7	8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	12		
56	Xã Ea Sol	1	3	3	4		7	8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	13		
57	Xã Ea Rai	1	3	3	4		7	8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	15		
58	Xã Ea Wy	1	3	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	15	
59	Xã Cư A Mung	1	3	3	5			8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	14		
60	Xã Cư Môt	1	3	3	4		7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	10	
61	Xã Ea Hiao	1	2	3	4	5		7	8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	14	
62	Xã Ea Khai	1	3	3	4	5		7	8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	14	
63	Xã Diê Yang	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
64	Xã Ea Tiv	1					7				12	13	14	15	16	17	18	19	8		
65	Xã Ea Nam	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
VII	Cư Kulin																				
66	Xã Ea Tiêu	1	3	4				8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	14	
67	Xã Dray Bhang	1	4					8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	13		
68	Xã Hòa Hiệp	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
69	Xã Ea Ning	1	3	3	4		7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	15	
70	Xã Cư Ê Wi	1	3	3	4			8			12	13	14	15	16	17	18	19	9		
71	Xã Ea Hu	1	3					8		10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	11	
72	Xã Ea Ktur	1	3	4				8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	15	
73	Xã Ea Bhook	1	3	4				8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	14	
VIII	Krong Ana																				
74	Xã Quảng Điện	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
75	Xã Dray Sáp	1	3	4	5			8			12	13	14	15	16	17	18	19	19		
76	Xã Ea Na	1	4	5				8		10	12	13	14	15	16	17	18	19	11		
77	Xã Ea Bông	1	3	4	5			8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	12		
78	Xã Bàng A Drenh	1	4	5				8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	12		
79	Xã Dư Kmal	1	3	4	5			8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	11		
80	Xã Bình Hòa	1	3	4	5			8			12	13	14	15	16	17	18	19	11		
IX	Buôn Đôn	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	



TT	Đơn vị	Các tiêu chí đã đạt và cơ bản đạt (cấp huyện đánh giá)																			Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
81	Xã Ea Bar	1	2	3	4		6	7	8	9	10		12	13	14	15	16		18	19	1: Quy hoạch, thông, 3: Thủy lợi, 4: Điện, 5: Trường học, 6: Cơ sở vật chất Văn hóa, 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, 8: Thông tin và truyền thông, 9: Nhà ở dân cư, 10: Thu nhập, 11: Hộ nghèo, 12: LFD có việc làm, 13: Tỷ chức sản xuất, 14: Giáo dục và đào tạo, 15: Y tế, 16: Văn hóa, 17: Môi trường và ATP, 18: Hệ thống CT và tiếp cận pháp luật, 19: Quốc phòng và An ninh.
82	Xã Krông Na	1		3	4		7	8					12		14	15			18	19	
83	Xã Ea Huar	1			4		7	8					12		14	15	16		18	19	
84	Xã Ea Wer	1		3	4		7	8		9			12	13	14	15	16		18	19	
85	Xã Tân Hòa	1			4	5	7	8					12	13	14	15	16		18	19	
86	Xã Cuôr Knia	1		3	4			8					12		14	15	16		18	19	
87	Xã Ea Nui	1			4			8					12	13	14	15	16		18	19	
X	Krông Năng																				
88	Xã Ea Tôh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	19
89	Xã Đhê Ya	1		3	4	5		8					12	13	14	15	16	17	18	19	19
90	Xã Ea Tam	1		3	4	5		7	8		10		12	13	14	15	16	17	18	19	15
91	Xã Phú Lộc	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	19
92	Xã Tam Giang	1		3	4	5	7	8	9	10			12	13	14	15	16	17	18	19	19
93	Xã Ea Puk	1		3	4	5		8	9				12	13	14	15	16	17	18	19	16
94	Xã Ea Dab	1		3	4	5		8	9				12	13	14	15	16	17	18	19	14
95	Xã Ea Hồ	1		3	4	5	7	8					13	14	15				18	19	11
96	Xã Phú Xuân	1		3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	19	17
97	Xã Cư Kiông	1		3			7	8	9				12	13	14	15			18	19	11
98	Xã Ea Tân	1		3	4	5		7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		18	19	16
XI	Krông Bông																				
99	Xã Hòa Sơn	1		3				8	9				12		14	15	16		18	19	10
100	Xã Dang Kang	1		3				8					12		14	15			18	19	6
101	Xã Cư Kity	1						8					12	13	14	15	16		18	19	9
102	Xã Hòa Thành	1						8	9				12		14	15	16		18	19	9
103	Xã Hòa Tân	1						8	9				12		14	15	16		18	19	9
104	Xã Hòa Phong	1		3				8					12		14	15	16		18	19	9
105	Xã Hòa Lễ	1						8					12		14	15	16		18	19	9
106	Xã Yang Reh	1	2	3									12	13	14	15	16		18	19	8
107	Xã Ea Trui	1			4								12		14	15			18	19	7
108	Xã Khuê Ngọc Diê	1		3				8					12		14	15	16		18	19	9
109	Xã Cư Pui	1		3				8					12		14	15			18	19	7
110	Xã Cư Dram	1		3				8					12		14	15			18	19	7
111	Xã Yang Mao	1	2	3	4			8					12			15			19		8
XII	Krông Pác																				
112	Xã Ea Kiy	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	19
113	Xã Krông Búk	1			4	5			8		10		12	13	14	15			18	19	11
114	Xã Ea Kênh	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	19
115	Xã Ea Phê	1		3	4		6	7	8	9	10	11	12	13	14	15			18	19	16
116	Xã Ea Knuec	1		3	4			7	8		10		12		14	15			18	19	12
117	Xã Ea Yông	1		3	4		6		8	9	10		12	13	14				18	19	12
118	Xã Hòa An	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	19
119	Xã Ea Kuang	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	19
120	Xã Hòa Đông	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	19
121	Xã Ea Hiu	1		3	4			8					12			15			19		7
122	Xã Hòa Tiến	1	2	3	4	5			8	9	10		12	13	14	15			18	19	15
123	Xã Tân Tiến	1																			15



TT	Đơn vị	Các tiêu chí đã đạt và cơ bản đạt (cấp huyện đánh giá)																			số TC đạt và cơ bản	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
124	Xã Vũ Bồn	1				4	6	7	8			12	13	14	15			18	19	11	1: Quy hoạch, 2: Giao thông, 3: Thủy lợi, 4: Điện, 5: Trường học, 6: Cơ sở vật chất Văn hóa, 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, 8: Thông tin và truyền thông, 9: Nhà ở dân cư, 10: Thu nhập, 11: Hộ nghề, 12: LĐ có việc làm, 13: Tổ chức sản xuất, 14: Giáo dục và đào tạo, 15: Y tế, 16: Văn hóa, 17: Môi trường và ATTP, 18: Hệ thống CT và tiếp cận pháp luật, 19: Quốc phòng và An ninh.	
125	Xã Ea Uy	1				4			8			12	13	14	15		17		19	10		
126	Xã Ea Yêng	1		3	4				8			12	13		15			19		8		
XIII	Krông Buk																					
127	Xã Cư Pong	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14	15		17	18	19	16		
128	Xã Cư Né	1		3	4	5			8			12	13	14	15	16	17	18	19	13		
129	Xã Chư Kbo	1	2	3	4	5		7	8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	17		
130	Xã Pong Drang	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
131	Xã Ea Sim	1		3	4	5						12		14	15			18	19	9		
132	Xã Tân Lập	1	2	3	4	5		7	8	9		12		14	15	16		18	19	14		
133	Xã Ea Ngai	1	2	3	4	5			8	10		12	13	14	15	16	17	18	19	14		
XIV	Lăk																					
134	Xã Đắk Phoi	1	2		4			7	8					15			18	19	7			
135	Xã Yang Tao	1			4				8					15	16		18	19	8			
136	Xã Bông Krang	1	2					7	8			12		14	15	16		18	19	8		
137	Xã Đắk Liêng	1			4				8	9		12		14	15	16		18	19	10		
138	Xã Buôn Triết	1						7	8			12	13		15		18	19	8			
139	Xã Buôn Tría	1	2		4				8	9		12	13	14	15	16		18	19	12		
140	Xã Đắk Nuê	1		3					8			12		14	15		18	19	8			
141	Xã Krông Nô	1		3	4				8			12		14	15		18		8			
142	Xã Nam Ka	1							8			12		14	15		18	19	7			
143	Xã Ea R'Bin	1							8			12	13		15		18	19	7			
XV	Ea Súp																					
144	Xã Ea Lê	1	3	4				7	8			12	13	14	15		18	19	11			
145	Xã Ia lóp	1			4									15			18	19	5			
146	Xã Ia Jloi	1		3				7	8					14	15		18	19	8			
147	Xã Ea Rôk	1		3	4			7	8					14	15		18	19	9			
148	Xã Ya Tô Môt	1		3	4				8				13		15		18	19	8			
149	Xã Ia Rvê	1							8				13		15		18	19	6			
150	Xã Cư Kbang	1			4				8						15		18	19	6			
151	Xã Ea Bung	1		3	4			7	8			12		14	15	16		18	19	11		
152	Xã Cư M'lan	1		3	4			7	8					14	15			18	19	9		
Tổng số		##	42	113	##	75	41	73	146	82	79	52	141	96	131	145	94	65	139	143	927	
Số xã đạt 19 TC		29																				
Số xã đạt 18 TC		1																				
Số xã đạt 17 TC		5																				
Số xã đạt 16 TC		8																				
Số xã đạt 15 TC		9																				
Số xã đạt 14 TC		10																				
Số xã đạt 13 TC		13																				
Số xã đạt 10-12TC		34																				
Số xã đạt 5-9 TC		43																				
Số xã đạt 3-4 TC		0																				